TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị B1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1974; Nơi cư trú: Ấp Y, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Đặng Thanh B, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977; Nơi cư trú: Ấp Y, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tô Thị B1 trình bày: Vào năm 1996, chị quen biết với anh Đặng Thanh B, rồi tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc,

nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, cải vả, bất đồng quan điểm, sống chung không còn hạnh phúc. Hai vợ chồng đã không còn sống chung khoảng 03 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Đặng Thúy K, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1999, hiện nay cháu K đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Đặng Thanh B chung sống không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Đặng Thanh B trình bày:* Anh và chị Tô Thị B1 cưới nhau cách đây 28 năm (không nhớ ngày tháng năm), hôn nhân có tìm hiểu trước, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì vợ chồng ra riêng sinh sống. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, vui vẻ, đôi khi có cự cải do trong công việc làm ăn có này có kia, cũng có lúc đánh nhau. Cách đây khoảng 03 năm do cự cải nên vợ chồng không còn sống chung, anh dọn ra ngoài ở, tôi có về những vợ chửi không cho vô nhà. Qua yêu cầu ly hôn của cô B1, anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Hai vợ chồng có được 01 con chung là Đặng Thúy K đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tô Thị B1 và anh Đặng Thanh B; về nuôi con chung: Cháu Đặng Thúy K, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1999 đã trưởng thành, tự lo cuộc sống bản thân, nên Viện kiểm sát không đề cập đến; về tài sản chung và nợ chung: Chị Tô Thị B1 và anh Đặng Thanh B trình bày không có yêu cầu giải quyết, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Tô Thị B1 và bị đơn anh Đặng Thanh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị B1 và anh Đặng Thanh B tuy sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 1996 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý."

[4] Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng."*

[5] Do chị Tô Thị B1 và anh Đặng Thanh B không có đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định, nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Tô Thị B1 và anh Đặng Thanh B là vợ chồng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;..."*

[6] Về việc nuôi con: Cháu Đặng Thúy K, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1999 đã trưởng thành, tự lo cuộc sống bản thân, chị Tô Thị B1 và anh Đặng Thanh B không có tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tô Thị B1 và anh Đặng Thanh B cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tô Thị B1 và anh Đặng Thanh B.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Tô Thị B1 chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006039 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng